

Số: 05/2026/QĐST-LĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**

**V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* bà Nguyễn Thị Thắm.

*Thư ký phiên họp:* bà Đoàn Phạm Thanh Trang - Thư ký Tòa án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh, tham gia phiên họp:* bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 451/2025/LĐ-ST ngày 19 tháng 12 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 451/2025/QĐST-LĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc lao động:* bà Phan Thị T, sinh năm 1981; thường trú: xóm G, xã N, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu: bà Lê Hải Y, sinh năm 2002; địa chỉ: Số B, Đường số G, ấp A, xã P, Thành Phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phan Thị H, sinh năm 1977; địa chỉ: xóm V, xã H, tỉnh Nghệ An. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Công ty TNHH E; địa chỉ: số G Đại lộ T, khu công nghiệp S, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

4. Bảo hiểm xã hội cơ sở Dĩ An - Thành phố H; địa chỉ: Đường T, khu T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp:* Ông Dương Văn T1, sinh năm 1991 là nhân viên Bảo hiểm xã hội cơ sở D; địa chỉ: Số A, khu phố T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy 22/12/2025). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:**

*- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết, người yêu cầu giải quyết việc lao động bà Phan Thị T trình bày:*

Từ tháng 07/2003 đến tháng 12/2016 bà Phan Thị T làm việc ở Công ty TNHH Q (trụ sở tại: Số A, đường T, khu công nghiệp S, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh) và tham gia đóng bảo hiểm xã hội với số sổ là 9103051279. Toàn bộ quá trình tham gia bảo hiểm xã hội trên, bà chưa làm thủ tục hưởng bảo hiểm xã hội một lần.

Tháng 09/2025, bà thực hiện điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì được Cơ quan bảo hiểm xã hội cơ sở D - thành phố Hồ Chí Minh trả lời Công văn số 689/CV-BHXXH ngày 12/09/2025, theo đó quá trình đóng bảo hiểm xã hội của bà bị trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 02/2005 đến tháng 03/2010 tại Công ty TNHH E.

Lý do bị trùng là vào thời gian tháng 02/2005, bà T cho chị ruột là bà Phan Thị H mượn hồ sơ để đi làm tại Công ty TNHH E (trụ sở tại: Số T Đại lộ T, khu công nghiệp S, phường D, thành phố Hồ Chí Minh) từ tháng 02/2005 đến tháng 03/2010 và tham gia bảo hiểm xã hội theo số sổ 9103010542.

Do thời điểm nêu trên, bà H không đủ điều kiện ký kết hợp đồng lao động, nên bà mới cho bà H mượn chứng minh nhân dân của bà để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH E.

Hợp đồng lao động được giao kết giữa tên bà Phan Thị T với Công ty TNHH E nhưng người trực tiếp làm việc theo hợp đồng lao động là bà Phan Thị H. Do đó, hợp đồng lao động này đã vi phạm nguyên tắc "trung thực" và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin trong giao kết hợp đồng lao động.

Việc đóng trùng bảo hiểm xã hội như trên là trùng khớp với khoảng thời gian bà cho bà H mượn hồ sơ để đi làm tại Công ty TNHH E. Lúc đó, bà không hiểu biết về pháp luật nên đã cho người khác mượn hồ sơ đi làm, điều này trái quy định pháp luật dẫn đến hậu quả hồ sơ bảo hiểm xã hội của bà có thời gian bị đóng trùng nên không thể giải quyết được các thủ tục chính sách bảo hiểm xã hội theo quy định pháp luật.

Nên nay bà đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 16 - thành phố Hồ Chí Minh tuyên bố hợp đồng lao động đã giao kết giữa tên bà Phan Thị T (do bà Phan Thị H là người ký kết) với Công ty TNHH E là vô hiệu.

*- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H trình bày:*

Bà Phan Thị H và bà Phan Thị T là chị em ruột, vào thời điểm tháng 02/2005 do bà H chưa đáp ứng được điều kiện để ký kết hợp đồng lao động và không hiểu biết về pháp luật. Do đó, bà H có mượn chứng minh nhân dân của bà Phan Thị T để bổ sung vào hồ sơ ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH E.

Bà H đã mượn thông tin cá nhân của bà Phan Thị T để ký kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH E từ tháng 02/2005 đến tháng 03/2010, đóng bảo hiểm xã hội mã số: 9103010542, sau đó bà nghỉ việc tại công ty này. Vì vậy, bà

Phan Thị T đã bị đóng trùng bảo hiểm từ tháng 02/2005 đến tháng 03/2010.

Nay, đối với yêu cầu của bà Phan Thị T về việc Tuyên hợp đồng lao động giữa bà Phan Thị T và Công ty TNHH E vô hiệu thì bà H đồng ý.

*- Ông Dương Văn T1 là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở D, Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:*

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của Công ty TNHH E cho người lao động thì Công ty có tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà Phan Thị T, sinh năm 1981, số căn cước công dân 040181028136, với mã số bảo hiểm xã hội 9103010542 có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế từ tháng 02/2005 đến tháng 03/2010 đã chốt số và đã nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần.

- Qua kiểm tra dữ liệu, Bảo hiểm xã hội cơ sở D còn phát hiện bà Phan Thị T còn có mã số BHXH 9103051270 có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế từ tháng 7/2003 đến tháng 12/2025 tại Công ty TNHH Q.

Về đề nghị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa bà Phan Thị T với Công ty TNHH E, đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ theo Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định về việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu để tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Phan Thị T, Bảo hiểm xã hội không có lưu trữ những hồ sơ này.

Về các yêu cầu khác của ông Bùi Hải B: Bảo hiểm xã hội không có ý kiến.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH E:* Công ty đã được Tòa án thông báo nội dung khởi kiện và tổng đạt Quyết định mở phiên họp, nhưng không có ý kiến.

*Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị:*

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Phan Thị T là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: người đại diện hợp pháp của người yêu cầu là bà Lê Hải Y, người đại diện hợp pháp của của Bảo hiểm xã hội cơ sở D – Thành phố Hồ Chí Minh là ông Dương Văn T1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; Công ty TNHH E đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ

Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình tố tụng các đương sự khai thống nhất: Trong thời gian từ tháng 02/2005 đến tháng 03/2010, người lao động lấy tên bà Phan Thị T, sinh năm 1981, số căn cước công dân 040181028136, được Công ty TNHH E, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội 9103010542. Quan hệ lao động giữa Công ty TNHH E với người sử dụng thông tin cá nhân của bà Phan Thị T phát sinh từ tháng 02/2005 đến tháng 03/2010, hai bên có ký kết hợp đồng lao động. Đồng thời gian đó, bà T giao kết hợp đồng lao động tại Công ty TNHH Q từ tháng 7/2003 đến tháng 12/2016. Như vậy, có cơ sở xác định người sử dụng thông tin cá nhân của bà T để làm việc tại Công ty TNHH E và đã sử dụng thông tin cá nhân của bà T để xác lập quan hệ lao động nên bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội.

[2.2] Xét thấy, việc người lao động sử dụng chứng minh nhân dân của bà Phan Thị T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH E là hành vi gian dối. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động.

[2.3] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội cơ sở Dĩ An - Thành phố H đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Phan Thị Trang B1 trùng tháng 02/2005 đến tháng 03/2010. Do đó, bà T yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết với Công ty TNHH E với người lấy thông tin cá nhân của bà T ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH E là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về lệ phí: Bà Phan Thị T phải chịu theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 33, 39, 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ các Điều 15, 16, 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Phan Thị T.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Phan Thị T với Công ty TNHH E vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: bà Phan Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0049200 ngày 12/12/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND khu vực 16 – TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16 – TP. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THA DS TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Nguyễn Thị Thắm**